

**Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa
(1021455)**

Chương: 417

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nha trang, ngày 12 tháng 7 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-SKHCN ngày 12/7/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Văn phòng Sở KH&CN công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

DVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện/6 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
II	Số thu phí, lệ phí	152	85,35	1	-
1	Lệ phí	2	1,40	1	-
	Lệ phí cấp giấy phép an toàn bức xạ; nhân viên an toàn bức xạ	2	1,40	70%	
	Lệ phí công bố hợp quy				
2	Phí	150	83,95	1	-
	Phí thẩm định hoạt động an toàn bức xạ	140	83,95	60%	
	Phí thẩm định hoạt động khoa học công nghệ	10		0%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	128	11,05	0	-
1	Chi sự nghiệp khoa học				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	128	11,05	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	128	11,05	9%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	24	13,99	1	
1	Lệ phí	2	1,40	1	-
	Lệ phí cấp giấy phép an toàn bức xạ; nhân viên an toàn bức xạ	2	1,40	70%	
	Lệ phí công bố hợp quy				
2	Phí	22	12,59	1	-
	Phí thẩm định hoạt động an toàn bức xạ	21	12,59	60%	
	Phí thẩm định hoạt động khoa học công nghệ	1			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện/6 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	23.593	10.446,11		
I	Chi quản lý hành chính	3.548	1.458,00	1	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.460	1.418,00	41%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	88	40,00	45%	
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	48	40,00	83%	
	- Trang phục thanh tra	10		0%	
	- Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	30		0%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	20.030	8.984,31	1	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH công nghệ	15.233	8.576,00	1	-
	- Nhiệm vụ KH công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cơ sở	15.233	8.576,00	56%	
2.2	KP nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.797	408,31	9%	
	- Thanh tra KH&CN	132	6,61	5%	
	- Hoạt động quản lý chuyên ngành	2.530	91,65	4%	
	- Hội đồng KH tỉnh và công tác quản lý KHCN	1.825	286,11	16%	
	- Đào tạo tập huấn, hợp tác KHCN, phục vụ công tác tuyên truyền	310	23,94	8%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	15	3,80		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15	3,80	25%	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện/6 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn Viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

thu XP

